

PHIẾU BỒ TRỢ NÂNG CAO SỐ 6
A. TIẾNG VIỆT

Bài 1. Đọc thầm:

Con quạ thông minh

Một con quạ đang khát nước bỗng thấy một cái lọ. Hi vọng là sẽ có nước ở trong đó, nó liền bay lại.

Khi tới, nó mới phát hiện lọ có rất ít nước và nó không thể thò mỏ xuống đáy mà uống được. Nó thử đủ mọi cách nhưng đều vô ích.

Cuối cùng, nó dùng mỏ gấp từng viên sỏi thả vào lọ nước cho đến khi nước dâng lên cao. Quạ tha hồ uống.

(Theo Truyện ngụ ngôn)

Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

1. Viết các tiếng trong bài có vần:

- ong:	- ông:
--------	--------

2. Viết một từ ngoài bài có tiếng chứa vần:

- ong:						- ông:					
--------	--	--	--	--	--	--------	--	--	--	--	--

3. Khi tới gần cái lọ, quạ đã phát hiện ra điều gì?

- Trong lọ có rất ít nước nhưng vẫn có thể uống được.
- Trong lọ có rất ít nước, không thể thò mỏ xuống đáy để uống được.
- Trong lọ có nhiều nước và nó có thể dễ dàng uống được.

4. Qua đã làm gì để uống được nước trong lọ?

- a. thả sỏi vào trong lọ để nước dâng lên cao
- b. làm lọ vỡ để nước chảy ra ngoài
- c. làm chiếc lọ đổ xuống, nước chảy ra ngoài

5. Con quạ trong bài là con vật như thế nào?

- a. chăm chỉ b. thông minh c. dũng cảm

Bài 1. Khoanh vào chữ cái trước từ viết đúng chính tả:

- a. nghèo đói b. quét nhà c. nướm nướp
d. xung quanh e. cái nong f. thiếu liên

Bài 2. Chọn từ trong ngoặc điền vào chỗ trống:

(lòng đường, lề đường, bên trái, bên phải)

Khi đi bộ, em phải đi phía _____, sát vào _____.

Đi phía _____ và chạy nhảy, nô đùa dưới _____

là vi phạm luật giao thông.

Bài 3. Điền c hay k?

gồ ____ ẻng ____ ì ____ ọ ____ ì nghi

____ ồng ____ ẻnh ____ ản ____ ù ____ on ____ iến

Bài 4. Sắp xếp các từ ngữ sau thành câu rồi viết lại:

a. nô đùa / sân trường / học sinh / trên / rất vui / . /

b. bé / thăm / bà ngoại / hè này / mẹ / cho / về quê / . /

Bài 5. Viết một câu với mỗi từ sau:

[illegible]

B. TOÁN

Bài 1. Tính:

$$\begin{array}{r} 12 \\ + 4 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 14 \\ + 3 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 12 \\ + 2 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 11 \\ + 5 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 14 \\ + 0 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 15 \\ + 4 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 16 \\ + 3 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 13 \\ + 4 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 17 \\ + 1 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 12 \\ + 6 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 11 \\ + 3 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 13 \\ + 5 \\ \hline \end{array}$$

.....

Bài 2. Nối hai phép tính có kết quả bằng nhau:

$$14 + 2$$

$$13 + 6$$

$$12 + 6$$

$$15 + 0$$

$$15 + 4$$

$$11 + 5$$

$$11 + 4$$

$$14 + 4$$

Bài 3. Điền dấu (>, =, <) thích hợp vào chỗ chấm:

$$18 \dots 15 + 2$$

$$14 + 4 \dots 16$$

$$11 + 1 \dots 15$$

$$10 \dots 13 + 2$$

$$15 \dots 11 + 4$$

$$17 + 1 \dots 20$$

$$15 + 1 \dots 19$$

$$17 \dots 10 + 7$$

Bài 3. Đúng ghi **d**, sai ghi **s** vào ô trống:

$$15 + 1 = 16 \quad \square$$

$$11 + 8 = 19 \quad \square$$

$$11 + 8 = 20 \quad \square$$

$$12 + 7 = 18 \quad \square$$

$$14 + 3 = 17 \quad \square$$

$$11 + 3 = 14 \quad \square$$

$$13 + 5 = 18 \quad \square$$

$$16 + 3 = 18 \quad \square$$

$$12 + 3 = 11 \quad \square$$

Bài 4. Viết phép tính thích hợp:

a) Có: 12 con gà

Thêm: 6 con gà

Có tất cả: con gà.

....				
------	------	------	------	------

b) Hải gấp: 10 máy bay

Nam gấp: 5 máy bay

Cả hai bạn gấp: máy bay.

....				
------	------	------	------	------

Bài 5. Tìm quy luật và điền số thích hợp vào chỗ chấm:



